

Số: 55/2020/QĐST- KDTM

Đông Anh, ngày 01 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 21/2019/TLST- KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần X.

Trụ sở: Số xx LH, phường LH, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô chí D. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần X.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Tuấn A. Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân Ngân hàng thương mại cổ phần X (Theo Văn bản uỷ quyền số 03/2020/UQ-HĐQT ngày 02/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Người đại diện tham gia tố tụng theo uỷ quyền: Ông Trịnh Chiêu M – Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Nguyễn Thế K – Chuyên viên xử lý nợ; Bà Nguyễn Thị Ngọc H – Chuyên viên xử lý nợ; ; Bà Lê Thị H – Chuyên viên xử lý nợ (Theo Văn bản uỷ quyền số 6689/2019/UQ – VPB ngày 28/8/2019 của Phó giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân Ngân hàng thương mại cổ phần X).

- Bị đơn:*
1. Anh Phạm Đức A, sinh năm 1976.
 2. Chị Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1979.

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn ĐĐ, xã ĐM, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Phạm Thị Thúy H: Anh Phạm Đức A, sinh năm 1976; Hộ khẩu thường trú: Thôn ĐĐ, xã ĐM, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Theo lời khai uỷ quyền).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Phạm Quỳnh T, sinh ngày 28/01/2003.
2. Cháu Phạm Đức D, sinh ngày 17/6/2004.

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn ĐĐ, xã ĐM, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu T, cháu D là bố mẹ của các cháu: Anh Phạm Đức A, sinh năm 1976; Chị Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1979; Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn ĐĐ, xã ĐM, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

2/ Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Phạm Đức A và chị Phạm Thị Thúy H vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần X theo Hợp đồng tín dụng số LD1209600329 ngày 09/04/2012 cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 900.000.000 đồng (bằng chữ: Chín trăm triệu đồng chẵn);
- Thời hạn vay: 09 tháng, kể từ ngày giải ngân ngày 09/04/2012.
- Các kỳ hạn trả nợ lãi:

Trả gốc: 03 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ đầu tiên là ngày 15/07/2012 trả 50 triệu đồng, kỳ tiếp trả 100 triệu đồng và kỳ cuối cùng trả 750 triệu đồng;

Trả lãi: trả tiền lãi một tháng lần, trả vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên là ngày 15/05/2012;

- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh ô tô.

- Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 22.5%/năm, sẽ được thay đổi nếu:
 - + Nếu thời hạn vay theo hợp đồng tín dụng không quá 03 tháng thì mức lãi suất cố định là: 22.5%/năm;
 - + Nếu thời hạn vay trên 03 tháng thì sẽ điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của Ngân hàng thương mại cổ phần X điều chỉnh cộng (+) biên độ là 10.5%/năm.
- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 16^a; tờ bản đồ 20, địa chỉ thôn ĐĐ, xã ĐM, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. theo: “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất” số U 918514 do Ủy ban nhân dân huyện ĐA cấp ngày 20/09/2002, đăng ký sang tên cho bà Phạm Thị Thúy H ngày 21/11/2009 tại Văn phòng đăng ký nhà đất huyện ĐA, hợp đồng thế chấp ngày 06/04/2012 tại Văn phòng Công chứng TL, Hà Nội đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Quá trình thực hiện hợp đồng này anh Phạm Đức A và chị Phạm Thị Thúy H đã thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần X số tiền là:

- Nợ gốc	:	150.000.000 đồng
- Nợ lãi	:	112.418.270 đồng
Tổng		262.418.270 đồng

Tuy nhiên đến ngày 15/12/2012, anh Phạm Đức A và chị Phạm Thị Thúy H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần X và khoản vay này đã chuyển nợ xấu và áp dụng lãi suất quá hạn.

Tính đến hết ngày 22/6/2020, tổng số tiền chị H, anh A còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần X là: 3.901.732.657 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, chín trăm linh một triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 750.000.000 đồng.
- Nợ lãi: 1.548.692.803 đồng.
- Phạt chậm trả lãi: 1.603.039.854 đồng.

Ngân hàng tự nguyện rút yêu cầu đối với yêu cầu tính phạt chậm trả lãi và không tính khoản tiền này trong tổng số nợ của anh A, chị H với Ngân hàng. Do vậy, chị Phạm Thị Thúy H, anh Phạm Đức A phải hoàn trả cho Ngân hàng khoản tiền nợ của anh chị với Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số LD1209600329 ngày 09/04/2012, tính đến hết ngày 22/6/2020 là: 2.298.692.803 đồng (Bằng chữ:

Hai tỷ, hai trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm linh ba đồng) và tiếp tục chịu lãi theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1209600329 ngày 09/04/2012 trên số nợ gốc còn lại kể từ ngày 23/6/2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ với Ngân hàng thương mại cổ phần X.

Thời hạn thanh toán khoản nợ là ngày 31/8/2020. Sau ngày 31/8/2020 mà anh A, chị H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD1209600329 ngày 09/04/2012 cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 16^a; tờ bản đồ 20, địa chỉ thôn ĐĐ, xã ĐM, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. theo: “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất” số U 91xxxx do UBND huyện ĐA cấp ngày 20/09/2002, đăng ký sang tên cho bà Phạm Thị Thúy H ngày 21/11/2009 tại Văn phòng đăng ký nhà đất huyện ĐA, hợp đồng thế chấp ngày 06/04/2012 tại Văn phòng Công chứng TL, Hà Nội. Việc xử lý tài sản để thu hồi nợ thực hiện theo quy định chung của pháp luật.

Ngân hàng tự nguyện rút yêu cầu đề nghị được quyền yêu cầu phát mại các tài sản khác của anh A, chị H để thu hồi nợ.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 77.973.856 đồng (Bảy mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm năm mươi sáu đồng) nhưng do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên chỉ phải chịu $1/2 = 38.986.928$ đồng (Ba mươi tám triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm hai mươi tám đồng) tiền án phí. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để anh Phạm Đức A và chị Phạm Thị Thúy H chịu án phí dân sự sơ thẩm. Như vậy, anh A, chị H phải nộp 38.986.928 đồng (Ba mươi tám triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm hai mươi tám đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần X không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền 50.345.000 đồng (Năm mươi triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/001xxxx ngày 23/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thanh